

HIỆP ĐỊNH

GIỮA CHÍNH PHỦ CỦA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ CỦA MALAYSIA NHẪM TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN VÀ NGĂN CẢN TRỐN TRÁNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC LOẠI THUẾ THU NHẬP

Chính phủ của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và Chính phủ của Malaysia

Với mong muốn ký kết một Hiệp định nhằm tránh đánh thuế hai lần và ngăn cản việc trốn tránh nghĩa vụ tài chính đối với các loại thuế thu nhập.

Đã đồng ý như sau:

Điều 1. Phạm vi chủ thể

Hiệp định này áp dụng với những người là công dân của một hoặc cả hai nước ký kết

Điều 2. Các khoản thuế được kiểm soát

1. Hiệp định này sẽ áp dụng đối với các khoản thuế lên thu nhập bị đánh thuế bởi một nước ký kết, bất kể phương thức đánh thuế

2. Các loại thuế hiện có mà Hiệp định này sẽ áp dụng là:

a. Ở Malaysia:

(i) Thuế thu nhập; và

(ii) Thuế thu nhập từ dầu mỏ

(sau đây gọi tắt là Thuế của Malaysia).

b. Ở Việt Nam

(i) Thuế thu nhập; và

(ii) Thuế lợi tức; và

(iii) Thuế doanh thu

(sau đây gọi tắt là Thuế của Việt Nam)

3. Hiệp định sẽ áp dụng đối với bất kỳ khoản thuế tương tự đáng kể hay đồng nhất nào mà được đánh thuế bổ sung sau ngày ký của Hiệp định này; hoặc thay cho những loại thuế hiện có. Các cơ quan có thẩm quyền của các nước ký kết sẽ thông báo cho nhau những thay đổi quan trọng đã được thực hiện trong pháp luật thuế liên quan của mình.

Điều 3. Định nghĩa chung

1. Theo mục đích của Hiệp định này, trừ khi ngữ cảnh đòi hỏi hiểu theo cách khác:

a. Thuật ngữ “Malaysia” nghĩa là lãnh thổ của liên bang Malaysia, lãnh hải của Malaysia và đáy biển, tầng đất dưới bề mặt của lãnh hải, và bao gồm bất kỳ khu vực nào mở rộng phía trên giới hạn của lãnh hải của Malaysia, và phần đáy biển, tầng đất dưới bề mặt của khu vực nào như vậy, phần đã là hoặc có thể từ nay trở đi đã được chỉ định theo pháp luật của Malaysia phù hợp với luật quốc tế như là khu vực mà Malaysia có quyền lợi tối cao trên đó cho mục đích thăm dò, khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên, cho dù có sinh sống hay không sinh sống ở đó;

b. Thuật ngữ “Việt Nam” nghĩa là nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; khi được sử dụng trong khía cạnh địa lý, nó có nghĩa là tất cả lãnh thổ quốc gia, bao gồm lãnh hải và bảy kỳ khu vực nào ở phía trên và sát cạnh lãnh hải, phần đã là hoặc có thể từ nay trở đi đã được chỉ định theo pháp luật của Việt Nam phù hợp với luật quốc tế như là đã rơi vào quyền lời tối cao của Việt Nam cho việc thăm dò, khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên

c. Các thuật ngữ “một nước ký kết” và “nước ký kết khác” nghĩa là Việt Nam hoặc Malaysia theo như ngữ cảnh đòi hỏi;

d. Thuật ngữ “người” bao gồm cá nhân, công ty và một cơ quan bất kỳ của chủ thể được đối xử như là một chủ thể cho các mục đích thuế;

e. Thuật ngữ “Công ty” nghĩa là bất kỳ một cơ quan công ty nào hay một thực thể nào được đối xử như là một công ty cho các mục đích thuế;

f. Thuật ngữ “doanh nghiệp của nước ký kết” và “doanh nghiệp của nước ký kết khác” nghĩa là một doanh nghiệp được tiến hành bởi công dân của một nước ký kết và doanh nghiệp được tiến hành bởi công dân của một nước ký kết khác;

g. Thuật ngữ “công dân quốc gia” nghĩa là:

(i) bất kỳ cá nhân nào có quốc tịch hoặc tư cách công dân của nước ký kết;

(ii) bất kỳ pháp nhân, hiệp hội đối tác nào và bất kỳ thực thể khác phát sinh tư cách như vậy từ luật có hiệu lực tại nước ký kết;

h. Thuật ngữ “giao thông quốc tế” nghĩa là sự vận chuyển bằng tàu hoặc máy bay hoạt động bởi doanh nghiệp của nước ký kết, trừ khi tàu hoặc máy bay chỉ hoạt động giữa các địa điểm trong nước ký kết khác;

i. Thuật ngữ “cơ quan có thẩm quyền” nghĩa là:

(i) trong trường hợp của Malaysia, là Bộ trưởng Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền; và

(ii) trong trường hợp của Việt Nam, là Bộ trưởng Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền

j. Thuật ngữ “thuế” nghĩa là thuế của Malaysia và thuế của Việt Nam, khi ngữ cảnh đòi hỏi.

2. Trong việc áp dụng Hiệp định bởi nước ký kết, bất kỳ thuật ngữ nào không được định nghĩa ở đây thì trừ khi ngữ cảnh đòi hỏi phải hiểu theo nghĩa khác, sẽ có nghĩa theo pháp luật của nước ký kết về các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng.

Điều 4. Cư dân

1. Với mục đích của Hiệp định này, thuật ngữ “cư dân của nước ký kết” nghĩa là:

a. Trong trường hợp của Malaysia, là người cư trú ở Malaysia đối với những mục đích về thuế của Malaysia; và

b. Trong trường hợp của Việt Nam, là người cư trú ở Việt Nam đối với những mục đích về thuế của Việt Nam;

2. Khi theo lý do của những quy định ở đoạn 1, một cá nhân là cư dân của cả hai nước ký kết, tư cách của người này sẽ được xác định như sau:

- a. Anh ta sẽ được coi là cư dân của nước mà anh ta có nhà ở thường trú; nếu anh ta có nhà ở thường trú ở cả hai nước, anh ta sẽ được coi là cư dân của nước mà các quan hệ về kinh tế và cá nhân của anh ta gần hơn (trung tâm các quyền lợi chủ yếu);
 - b. nếu không thể xác định được nước ký kết nơi một người có trung tâm các quyền lợi chủ yếu của anh ta, hoặc nếu anh ta không có nhà ở thường trú ở nước nào, anh ta sẽ được coi là cư dân của nước mà anh ta có nơi ở theo thói quen;
 - c. nếu một người có nơi ở theo thói quen tại cả hai nước hoặc không nước nào trong cả hai nước, anh ta sẽ được coi là cư dân của nước mà anh ta là công dân quốc gia;
 - d. nếu anh ta là công dân quốc gia của cả hai nước hoặc không nước nào trong cả hai nước, cơ quan có thẩm quyền của hai nước sẽ giải quyết vấn đề bằng thỏa thuận chung.
3. Khi mà theo lý do của những quy định ở đoạn 1, một người khác hơn là một cá nhân là cư dân của cả hai nước ký kết, sau đó được coi là cư dân của nước nơi mà nằm trong vị trí quản lý có hiệu lực của nước đó.

Điều 5. Cơ sở thường trú

1. Cho mục đích của Hiệp định này, thuật ngữ “cơ sở thường trú” nghĩa là một nơi kinh doanh cố định mà thông qua đó việc kinh doanh của doanh nghiệp được tiến hành toàn bộ hoặc một phần
2. Thuật ngữ “cơ sở thường trú” cụ thể bao gồm:
 - a. nơi quản lý;
 - b. chi nhánh
 - c. văn phòng
 - d. nhà máy
 - e. tiệm
 - f. mỏ, giếng dầu hay khí, mỏ đá hay bất kỳ nơi nào khác khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên, bao gồm gỗ hoặc các lâm sản khác; và
 - g. nông trại hay nông trang
3. Một công trình xây dựng, dự án về lắp đặt hay lắp ráp quy định là cơ sở thường trú chỉ khi nó tồn tại hơn 6 tháng.
4. Mặc dù có những quy định trước của điều này, thuật ngữ “cơ sở thường trú” sẽ được coi là không bao gồm:
 - a. việc sử dụng của các cơ sở duy nhất cho mục đích lưu trữ, trưng bày hay giao hàng hóa của doanh nghiệp;
 - b. việc duy trì của cổ phiếu hàng hóa thuộc doanh nghiệp chỉ cho mục đích lưu trữ, trưng bày hay giao hàng hóa;
 - c. việc duy trì của cổ phiếu hàng hóa thuộc doanh nghiệp chỉ cho mục đích gia công bởi doanh nghiệp khác;
 - d. việc duy trì của nơi kinh doanh cố định chỉ cho mục đích mua bán hàng hóa hoặc thu thập thông tin cho doanh nghiệp;

e. việc duy trì của nơi kinh doanh cố định chỉ cho mục đích tiến hành cho doanh nghiệp bất kỳ hoạt động nào khác có tính chất chuẩn bị hoặc phụ trợ;

f. việc duy trì của nơi kinh doanh cố định chỉ cho bất kỳ sự kết hợp nào của các hoạt động nêu ở tiểu đoạn (a.) đến (e.), được quy định rằng toàn bộ hoạt động của địa điểm kinh doanh cố định là kết quả từ sự kết hợp thì là của cơ sở có tính chất chuẩn bị hoặc phụ trợ.

5. Doanh nghiệp của nước ký kết, sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại nước ký kết khác nếu nó tiến hành những hoạt động giám sát tại nước khác đó nhiều hơn 6 tháng trong sự kết nối với công trình, dự án xây dựng, lắp đặt, lắp ráp mà nó đang đảm nhận tại nước khác đó.

6. Một người (trừ người môi giới, đại lý hoa hồng hay đại lý khác bất kỳ có tư cách độc lập là những người áp dụng theo đoạn 7) hoạt động tại nước ký kết thay mặt doanh nghiệp của nước ký kết khác sẽ được coi là cơ sở thường trú ở nước được nêu đầu tiên, nếu:

a. Anh ta có và thực hiện theo thói quen ở nước được nêu đầu tiên thẩm quyền để ký kết hợp đồng bằng tên của doanh nghiệp, trừ khi những hoạt động của anh ta bị giới hạn với việc mua bán hàng hóa cho doanh nghiệp;

b. Anh ta duy trì ở nước được nêu đầu tiên một cỗ phiếu hàng hóa thuộc doanh nghiệp với hình thức điền các đơn hàng thay mặt doanh nghiệp; hoặc

c. Anh ta sản xuất hoặc gia công ở nước được nêu đầu tiên cho hàng hóa của doanh nghiệp

7. Một doanh nghiệp sẽ không được coi là có cơ sở thường trú ở nước ký kết chỉ vì nó tiến hành kinh doanh ở nước đó thông qua người môi giới, đại lý hoa hồng hay đại lý khác bất kỳ có tư cách độc lập, khi những người này hoạt động trong quá trình kinh doanh của họ một cách bình thường. Tuy nhiên, khi các hoạt động của một đại lý như vậy được dành cho toàn bộ hoặc hầu như toàn bộ thay cho doanh nghiệp đó, anh ta sẽ được xem như là một đại lý có tư cách độc lập nếu các giao dịch giữa đại lý và doanh nghiệp không thực hiện theo những điều kiện ngang bằng.

8. Sự thật là một công ty mà cư dân của nước ký kết kiểm soát hoặc được kiểm soát bởi công ty mà nó là cư dân của nước ký kết khác, hoặc công ty mà tiến hành kinh doanh ở nước khác đó (khi thông qua một cơ sở thường trú hoặc phương diện khác), sẽ cũng không tự nó thiết lập cơ sở thường trú công ty của nước khác.

Điều 6. Thu nhập từ bất động sản

1. Thu nhập của người cư trú của nước ký kết từ bất động sản được quy định trong nước ký kết khác có thể chịu thuế ở nước khác đó.

2. Cho mục đích của Hiệp định này, thuật ngữ “bất động sản” sẽ có ý nghĩa theo luật của nước ký kết mà trong đó tài sản ở câu hỏi được quy định. Thuật ngữ này trong trường hợp bất kỳ sẽ bao gồm tài sản phụ kiện của bất động sản, gia súc và thiết bị được sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp, các quyền mà các quy định của luật chung về điền sản áp dụng, hoa lợi từ bất động sản và các quyền đối với việc thanh toán có tính thay đổi hoặc cố định theo như sự xem xét với công việc, hoặc quyền làm việc, lớp trầm tích của khoáng sản, giếng dầu hoặc khí, mỏ đá và những nơi khai thác tài nguyên thiên nhiên khác bao gồm gỗ và lâm sản; tàu, thuyền và máy bay không được coi là bất động sản.

3. Các quy định của đoạn 1 áp dụng đối với thu nhập từ sử dụng trực tiếp, cho phép hoặc sử dụng bằng hình thức bất kỳ nào khác đối với bất động sản.

4. Các quy định của đoạn 1 và 3 cũng áp dụng đối với thu nhập từ bất động sản được sử dụng cho việc thực hiện các dịch vụ cá nhân độc lập.

Điều 7. Lợi nhuận từ kinh doanh

1. Lợi nhuận của doanh nghiệp của nước ký kết chỉ bị đánh thuế ở nước đó trừ khi doanh nghiệp tiến hành kinh doanh ở nước ký kết khác thông qua cơ sở thường trú đã quy định. Nếu doanh nghiệp tiến hành kinh doanh như nêu trên thì các lợi nhuận của doanh nghiệp có thể bị đánh thuế ở nước khác; nhưng chỉ đánh thuế trên nhiều lợi nhuận từ đó mà có thể quy cho cơ sở thường trú.

2. Theo các quy định ở đoạn 3, khi doanh nghiệp của nước ký kết tiến hành kinh doanh ở nước ký kết khác thông qua cơ sở thường trú đã quy định, mỗi nước ký kết sẽ phân bổ cho cơ sở thường trú các lợi nhuận mà nó có thể dự định thực hiện nếu nó là một doanh nghiệp riêng biệt và cụ thể đã tham gia vào cùng các hoạt động hay tương tự theo cùng những điều kiện hoặc tương tự và giao dịch hoàn toàn độc lập với doanh nghiệp mà nó là cơ sở thường trú.

3. Trong việc xác định lợi nhuận của cơ sở thường trú, sẽ được phép khấu trừ những chi phí bao gồm chi phí điều hành và hành chính chung, cái mà sẽ được khấu trừ nếu cơ sở thường trú là doanh nghiệp độc lập, trong một chừng mực mà chúng được phân bổ một cách hợp lý cho cơ sở thường trú, cho dù được phát sinh trong nước nơi có cơ sở thường trú hoặc nơi khác.

4. Nếu thông tin sẵn có cho cơ quan có thẩm quyền không đủ để xác định lợi nhuận được phân bổ đối với cơ sở thường trú của doanh nghiệp, không có điều gì trong điều này sẽ ảnh hưởng đến sự áp dụng luật bất kỳ của nước đó liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế của một người bằng việc cơ quan có thẩm quyền thực hiện sự định đoạt hoặc làm ước tính, cơ quan có thẩm quyền quy định pháp luật áp dụng cho đến khi thông tin sẵn có được cơ quan có thẩm quyền thừa nhận theo nguyên tắc của điều này.

5. Không có lợi nhuận nào được phân bổ cho cơ sở thường trú chỉ từ việc mua bán hàng hóa của cơ sở thường trú đó cho doanh nghiệp.

6. Vì mục đích của các đoạn trước, lợi nhuận được phân bổ cho cơ sở thường trú sẽ được xác định cùng phương pháp theo thời gian, trừ khi có lý do tốt và đầy đủ ngược lại.

7. Khi lợi nhuận bao gồm các khoản thu nhập được giao dịch tách biệt với các điều khoản khác của Hiệp định này, những quy định của các điều khoản đó sẽ không bị các quy định của điều này ảnh hưởng.

Điều 8. Vận tải đường hàng không và đường tàu biển

1. Các lợi nhuận từ hoạt động tàu biển hoặc máy bay trong giao thông quốc tế của doanh nghiệp nước ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế ở nước ký kết đó.

2. Các quy định của đoạn 1 cũng sẽ áp dụng đối với lợi nhuận từ việc tham gia vào kinh doanh tổ hợp, liên doanh hay đại lý hoạt động quốc tế.

Điều 9. Các doanh nghiệp liên kết

Khi mà

a. Doanh nghiệp của một nước ký kết tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc quản lý, kiểm soát hoặc bỏ vốn vào doanh nghiệp ở nước ký kết khác, hoặc

b. Những người giống nhau tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc quản lý, kiểm soát hoặc bỏ vốn vào doanh nghiệp ở nước ký kết và doanh nghiệp ở nước ký kết khác,

và cả trong trường hợp các điều kiện được thực hiện hoặc được áp đặt giữa hai doanh nghiệp trong quan hệ thương mại hoặc tài chính mà khác so với những quan hệ được thực hiện giữa các doanh nghiệp độc lập, thì mọi lợi nhuận sau đó, nhưng đối với những điều kiện đó, sẽ dồn về một trong các doanh nghiệp, tuy nhiên, bằng lý do của các điều kiện đó, sẽ không dồn về mà có thể bao gồm trong lợi nhuận của doanh nghiệp đó và bị đánh thuế phù hợp

Điều 10. Tiền lãi cổ phần

1. Tiền lãi cổ phần được công ty là cư dân của nước ký kết trả cho cư dân của nước ký kết khác có thể bị đánh thuế tại nước khác đó.

2. Tuy nhiên, khoản tiền lãi cổ phần như vậy có thể cũng bị đánh thuế tại nước ký kết nơi công ty trả lãi là cư dân theo luật của nước đó, nhưng nếu người nhận cổ tức là chủ sở hữu hưởng lợi từ tiền lãi cổ phần thì thuế phải chịu sẽ không quá 10% của tổng số tiền lãi cổ phần

Đoạn này sẽ không ảnh hưởng số thuế phải đóng của công ty ứng với lợi nhuận tạo ra được đem chia lãi.

3. Tiền lãi cổ phần được công ty là cư dân của Malaysia trả cho cư dân của Việt Nam là người chủ hưởng lợi từ đó sẽ được miễn thuế ở Malaysia, đây là tiền lãi đã chịu phí trên lãi cổ phần được cộng vào tiền thuế chịu phí đối với thu nhập của công ty. Quy định trong đoạn này sẽ không ảnh hưởng đến những quy định của pháp luật Malaysia mà theo đó thuế đối với tiền lãi cổ phần được công ty là cư dân của Malaysia trả từ phần mà thuế của Malaysia đã hoặc được coi là đã được khấu trừ, và có thể được điều chỉnh bằng cách tham khảo mức thuế phù hợp với năm đánh giá của Malaysia tiếp theo ngay lập tức với tiền lãi cổ tức đã trả.

4. Thuật ngữ “tiền lãi cổ phần” như được sử dụng trong điều này nghĩa là thu nhập từ cổ phần, cổ phần của công ty khai thác, cổ phần của người sáng lập hoặc các quyền khác, không là quyền đòi nợ, quyền tham gia vào lợi nhuận, cũng như thu nhập từ các quyền công ty khác là đối tượng cùng một hệ thống xử lý thuế như thu nhập từ cổ phần theo pháp luật của nước nơi mà công ty phân phối là cư dân.

5. Các quy định của đoạn 1 và 2 sẽ không được áp dụng nếu chủ sở hữu hưởng tiền lãi cổ phần là cư dân của nước ký kết, tiến hành kinh doanh ở nước ký kết khác, mà công ty trả tiền lãi cổ phần của họ là cư dân, thông qua cơ sở thường trú, hoặc thực hiện tại nước khác cơ sở riêng độc lập được quy định, hoặc thực hiện tại nước khác các dịch vụ cá nhân độc lập và việc nắm giữ tiền lãi cổ phần được trả được kết nối hiệu lực với cơ sở thường trú như vậy hoặc các dịch vụ như vậy. Trong trường hợp này có thể sẽ áp dụng các quy định của điều 17 và điều 15.

6. Khi một công ty là cư dân của nước ký kết có lợi nhuận hoặc thu nhập từ nước ký kết khác, thì nước khác có thể không áp đặt bất kỳ khoản thuế nào lên tiền lãi cổ phần được Công ty trả, trừ khi trong chừng mực mà việc nắm giữ tiền lãi cổ phần được trả được kết nối hiệu lực với cơ sở thường trú được có ở nước khác đó, cũng không là đối tượng chịu thuế cho các lợi nhuận chưa được phân phối của công ty để tính thuế trên đó, ngay cả nếu tiền lãi cổ phần được trả hoặc lợi nhuận chưa được phân phối bao gồm toàn bộ hoặc một phần lợi nhuận hoặc thu nhập phát sinh tại nước khác.

Điều 11. Tiền lãi

1. Tiền lãi phát sinh tại nước ký kết và được trả cho cư dân của nước ký kết khác có thể chịu thuế tại nước khác.

2. Tuy nhiên, tiền lãi như vậy cũng có thể bị đánh thuế tại nước ký kết nơi phát sinh, và theo luật của nước đó, nhưng nếu người nhận là chủ sở hữu hưởng lợi của tiền lãi, thì thuế phải chịu sẽ không quá 10% tổng số tiền lãi

3. Bất kể các quy định của các đoạn 1 và 2, Chính phủ của nước ký kết sẽ được miễn thuế tại nước ký kết khác đối với tiền lãi mà Chính phủ có được từ nước khác.

4. Với các mục đích của đoạn 3, thuật ngữ “Chính phủ” là:

a. Trong trường hợp của Malaysia nghĩa là Chính phủ của Malaysia bao gồm:

(i) Các chính quyền của các bang;

(ii) Các cơ quan thẩm quyền địa phương;

(iii) Ngân hàng nhà nước của Malaysia; và

(vi) Các cơ quan, đơn vị có vốn thuộc sở hữu toàn bộ của Chính phủ Malaysia hoặc của chính quyền của các bang, hoặc của cơ quan thẩm quyền địa phương, cũng như có thể được thỏa thuận theo thời gian giữa các cơ quan có thẩm quyền của các nước ký kết.

b. Trong trường hợp của Việt Nam nghĩa là Chính phủ của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam bao gồm:

(i) Các cơ quan thẩm quyền địa phương;

(ii) Ngân hàng nhà nước của Việt Nam; và

(iii) Các cơ quan, đơn vị có vốn thuộc sở hữu toàn bộ của Chính phủ Việt Nam hoặc của cơ quan thẩm quyền địa phương, cũng như có thể được thỏa thuận theo thời gian giữa các cơ quan có thẩm quyền của các nước ký kết.

5. Thuật ngữ “tiền lãi” như được sử dụng ở điều này có nghĩa là thu nhập từ các khoản nợ ở bất cứ kiểu nào, có hoặc không có bảo đảm bằng thế chấp, và có hoặc không có thực hiện quyền để tham gia vào lợi nhuận của người nợ, và, đặc biệt, thu nhập từ chứng khoán chính phủ và thu nhập từ trái phiếu hay công trái.

6. Các quy định của đoạn 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu chủ sở hữu hưởng lợi tiền lãi là cư dân của nước ký kết tiến hành kinh doanh ở nước ký kết khác mà phát sinh lợi nhuận, thông qua cơ sở thường trú hoặc tiến hành ở nước khác các dịch vụ cá nhân độc lập và nợ của tiền lãi được trả thì có kết nối có hiệu lực với cơ sở thường trú như vậy hoặc các dịch vụ như vậy. Trong trường hợp này có thể sẽ áp dụng các quy định của điều 7 hoặc điều 15

7. Tiền lãi được coi là phát sinh tại nước ký kết khi mà người trả là chính nước đó, phân khu chính trị, cơ quan quyền lực địa phương hoặc cư dân của nước đó. Tuy nhiên khi người trả tiền lãi là hoặc không là cư dân của nước ký kết có ở nước ký kết cơ sở thường trú kết nối với các khoản nợ đã phát sinh lãi, và cơ sở thường trú như vậy chịu tiền lãi thì những tiền lãi này sẽ được coi là phát sinh ở nước nơi mà có cơ sở thường trú.

8. Bởi quan hệ đặc biệt giữa người trả và chủ sở hữu hưởng lợi hoặc giữa cả hai và một số người khác, khi mà số tiền lãi được trả liên quan đến nợ phải trả vượt quá số tiền đã được người trả và chủ sở hữu hưởng lợi thỏa thuận trong trường hợp không có quan hệ như vậy, sẽ áp dụng các quy định của điều này chỉ với số tiền được đề cập cuối cùng. Trong trường hợp như vậy, phần thanh toán vượt quá sẽ vẫn chịu thuế theo pháp luật của mỗi nước ký kết, quan tâm đúng đã có đối với các quy định khác của Hiệp định này.

Điều 12. Nhuận bút

1. Nhuận bút phát sinh tại nước ký kết và được trả cho cư dân của nước ký kết khác có thể bị đánh thuế bởi nước khác.
2. Tuy nhiên, các khoản nhuận bút như vậy cũng có thể bị đánh thuế ở nước ký kết nơi chúng phát sinh và theo pháp luật của nước ký kết đó, nhưng nếu người nhận là chủ sở hữu hưởng lợi nhuận bút thì thuế phải chịu sẽ không vượt quá 10% của tổng số nhuận bút.
3. Thuật ngữ “n nhuận bút” như được sử dụng trong điều này có nghĩa là số thanh toán nhận được dưới bất kỳ loại nào để xem xét cho việc sử dụng, quyền sử dụng, bản quyền bất kỳ của tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật hay khoa học bao gồm phim điện ảnh, phim hoặc băng dùng cho đài phát thanh hoặc truyền hình, băng sáng chế bất kỳ, thương hiệu, kiểu mẫu hay thiết kế, dự án, công thức hay quy trình bí mật, hoặc cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng thiết bị công nghiệp, thương mại hoặc khoa học, hoặc cho thông tin về kinh nghiệm có tính công nghiệp, thương mại hoặc khoa học.
4. Các quy định của đoạn 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu chủ sở hữu hưởng lợi nhuận bút là cư dân của nước ký kết tiến hành kinh doanh ở nước ký kết khác phát sinh nhuận bút thông qua cơ sở thường trú có ở đó, hoặc thực hiện tại nước khác các dịch vụ cá nhân độc lập và quyền hay tài sản liên quan nhuận bút được trả được kết nối có hiệu lực với cơ sở thường trú như vậy hoặc các dịch vụ như vậy. Trong trường hợp này có thể sẽ áp dụng các quy định của điều 7 và điều 15.
5. Nhuận bút sẽ được coi là phát sinh tại nước ký kết khi người trả là chính nước đó, phân khu chính trị, cơ quan quyền lực địa phương, hay cư dân của nước đó. Tuy nhiên khi mà người trả nhuận bút là hoặc không là cư dân của nước ký kết có ở nước ký kết một cơ sở thường trú kết nối với nghĩa vụ trả nhuận bút đã phát sinh, và cơ sở thường trú như vậy chịu các nhuận bút đó thì các nhuận bút này sẽ được coi là phát sinh ở nước nơi có cơ sở thường trú.
6. Bởi quan hệ đặc biệt giữa người trả và chủ sở hữu hưởng lợi hoặc giữa cả hai và một số người khác, khi mà tiền nhuận bút được trả liên quan đến việc sử dụng, quyền hoặc thông tin mà phải trả vượt quá số tiền đã được người trả và chủ sở hữu hưởng lợi thỏa thuận trong trường hợp không có quan hệ như vậy, sẽ áp dụng các quy định của điều này chỉ với số tiền được đề cập cuối cùng. Trong trường hợp như vậy, phần thanh toán vượt quá sẽ vẫn chịu thuế theo pháp luật của mỗi nước ký kết, quan tâm đúng đã có đối với các quy định khác của Hiệp định này.

Điều 13. Phí công nghệ

1. Phí công nghệ phát sinh tại một trong các nước ký kết do cư dân của nước ký kết khác là chủ sở hữu hưởng lợi và là đối tượng chịu thuế ở nước khác có thể bị đánh thuế ở nước ký kết được nêu đầu tiên với mức thuế suất không quá 10% tổng số phí kỹ thuật.
2. Thuật ngữ “Phí công nghệ” như sử dụng trong điều này nghĩa là khoản trả của bất kỳ loại nào cho người bất kỳ, trừ người lao động của người trả phí, trong sự xem xét với các dịch vụ bất kỳ có tính chất công nghệ, quản lý hay tư vấn.
3. Các quy định của đoạn 2 điều này sẽ không áp dụng nếu chủ sở hữu hưởng lợi phí công nghệ là cư dân của nước ký kết tiến hành kinh doanh ở nước ký kết khác nơi mà phí công nghệ phát sinh có cơ sở thường trú hoặc tiến hành ở nước khác các dịch vụ cá nhân độc lập, thì phí công nghệ được kết nối có hiệu lực với cơ sở thường trú như vậy hoặc dịch vụ như vậy. Trong trường hợp này, có thể sẽ áp dụng các quy định của điều 7 hoặc điều 15.

4. Phí công nghệ sẽ được coi là phát sinh ở nước ký kết khi người trả là chính nước đó, phân khu chính trị, cơ quan quyền lực địa phương, hoặc cư dân của nước đó. Tuy nhiên khi mà người trả phí công nghệ là hoặc không là cư dân của nước ký kết có ở nước ký kết một cơ sở thường trú kết nối với nghĩa vụ trả phí công nghệ đã phát sinh, và cơ sở thường trú như vậy chịu các phí công nghệ đó thì các phí công nghệ này sẽ được coi là phát sinh ở nước ký kết nơi có cơ sở thường trú.

5. Bởi quan hệ đặc biệt giữa người trả và chủ sở hữu hưởng lợi hoặc giữa cả hai và một số người khác, khi mà phí công nghệ được trả vượt quá, vì bất kể lý do gì, số tiền đã được người trả và chủ sở hữu hưởng lợi thỏa thuận trong trường hợp không có quan hệ như vậy, sẽ áp dụng các quy định của điều này chỉ với số tiền được đề cập cuối cùng. Trong trường hợp như vậy, phân thanh toán vượt quá sẽ vẫn chịu thuế theo pháp luật của mỗi nước ký kết, quan tâm đúng đã có đối với các quy định khác của Hiệp định này.

Điều 14. Các thu nhập từ chuyển nhượng tài sản

1. Thu nhập phát sinh bởi cư dân của nước ký kết từ chuyển nhượng bất động sản được tham chiếu theo điều 6 và ở nước ký kết khác nào thì bị nước khác đó đánh thuế

2. Thu nhập từ chuyển nhượng động sản hình thành một phần tài sản kinh doanh của cơ sở thường trú mà doanh nghiệp của nước ký kết có ở nước ký kết khác hoặc của động sản mà cư dân của nước ký kết có ở nước ký kết khác cho mục đích thực hiện các dịch vụ cá nhân độc lập, bao gồm các thu nhập từ chuyển nhượng cơ sở thường trú (một mình hoặc cùng với toàn bộ doanh nghiệp) có thể bị đánh thuế ở nước khác.

3. Thu nhập phát sinh bởi doanh nghiệp của nước ký kết từ chuyển nhượng tàu thủy, máy bay hoạt động trong giao thông quốc tế, hoặc động sản liên quan đến hoạt động của tàu bay và máy bay sẽ chỉ bị đánh thuế ở nước đó.

4. Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần của công ty, tài sản bao gồm toàn bộ hay phần lớn bất động sản có ở nước ký kết có thể bị đánh thuế ở nước đó

5. Thu nhập từ chuyển nhượng bất kỳ sản phẩm nào trừ các đề nêu ở đoạn 1, 2, 3 và 4 sẽ bị đánh thuế ở nước nơi mà người chuyển nhượng là cư dân.

Điều 15. Các dịch vụ cá nhân độc lập

1. Thu nhập phát sinh bởi cư dân của nước ký kết về các dịch vụ nghề nghiệp hoặc các hoạt động độc lập khác có đặc điểm tương tự sẽ chỉ bị đánh thuế ở nước đó. Tuy nhiên, trong những tình huống sau đây thì thu nhập này sẽ có thể bị đánh thuế ở nước ký kết khác:

a. Nếu việc ở lại nước khác của cá nhân là một khoảng thời gian hoặc tổng số các khoảng thời gian vượt quá gộp lại 183 ngày của năm tài chính liên quan; hoặc

b. Nếu tiền công cho dịch vụ ở nước khác cũng được phát sinh từ các cư dân của nước đó hoặc chịu bởi cơ sở thường trú mà người không phải là cư dân ở nước đó có, trong trường hợp vượt quá 10.000 USD trong năm dương lịch, bất kể việc ở lại nước đó của anh ta là một khoảng thời gian hoặc tổng số các khoảng thời gian ít hơn 183 ngày trong năm tài chính đó.

2. Thuật ngữ “dịch vụ nghề nghiệp” bao gồm các hoạt động khoa học, văn học, nghệ thuật, giáo dục và dạy học độc lập riêng biệt cũng như các hoạt động độc lập của các nhà vật lý, luật sư, kỹ sư, kiến trúc sư, nha sĩ và kế toán.

Điều 16. Các dịch vụ cá nhân phụ thuộc

1. Theo các quy định tại điều 17, 19, 20 và 21, lương, tiền công và các khoản thù lao tương tự khác được phát sinh bởi cư dân của nước ký kết liên quan đến việc làm sẽ chỉ bị đánh thuế ở nước đó trừ khi việc làm thuê được thực hiện ở nước ký kết khác. Nếu việc làm thuê như vậy được thực hiện thì tiền công như vậy được phát sinh có thể bị đánh thuế ở nước khác.

2. Bất kể các quy định của đoạn 1, tiền công phát sinh bởi cư dân của nước ký kết đối với công việc được thực hiện tại nước ký kết khác sẽ chỉ bị đánh thuế ở nước được nêu đầu tiên, nếu:

a. Người nhận hiện diện ở nước khác cho một khoảng thời gian hoặc các khoảng thời gian không quá khi gộp lại là 183 ngày trong năm tài chính, và

b. Cư dân hay cơ sở thường trú mà người sử dụng lao động có ở nước khác phải chịu tiền công

3. Bất kể các quy định trên của điều này, tiền công phát sinh đối với công việc thực hiện trên tàu hoặc máy bay hoạt động giao thông quốc tế bởi doanh nghiệp của nước ký kết có thể chỉ bị đánh thuế ở nước đó.

Điều 17. Phí quản lý

Phí quản lý và các khoản thanh toán tương tự khác phát sinh bởi cư dân của nước ký kết theo tư cách của người này là thành viên của hội đồng quản trị công ty là cư dân của nước ký kết khác có thể bị đánh thuế ở nước khác

Điều 18. Các nghệ sĩ và nhà thể thao

1. Bất kể các quy định của Điều 15 và 16, thu nhập phát sinh bởi cư dân của nước ký kết là các người làm giải trí như là nghệ sĩ, hoặc nhạc sĩ của rạp hát, phim điện ảnh, đài truyền hình, phát thanh, hoặc là nhà thể thao, từ các hoạt động của người này được thực hiện tại nước ký kết khác, có thể bị đánh thuế ở nước khác.

2. Nếu thu nhập đối với các hoạt động các nhân được thực hiện bởi người làm giải trí hoặc nhà thể thao bằng tư cách của người này như khi tính dồn không cho người làm giải trí hay chính nhà thể thao mà cho người khác thì thu nhập đó bất kể các quy định của điều 7, 15 và 10 có thể bị đánh thuế ở nước ký kết nơi thực hiện các hoạt động của người làm giải trí hoặc nhà thể thao

3. Các quy định của đoạn 1 và 2 sẽ không áp dụng với tiền công hoặc lợi nhuận phát sinh từ các hoạt động được thực hiện ở nước ký kết nếu chuyến thăm đến nước đó được quỹ công của nước ký kết khác hỗ trợ trực tiếp hoặc gián tiếp, toàn bộ hay phần lớn.

Điều 19. Lương hưu

Theo các quy định ở đoạn 2 của điều 20, lương hưu và các khoản tiền công tương tự khác được trả cho cư dân của nước ký kết trong việc xem xét công việc đã qua sẽ chỉ bị đánh thuế ở nước đó.

Điều 20. Dịch vụ của chính phủ

1.a. Tiền công, trừ lương hưu, được trả bởi nước ký kết hoặc phân khu chính trị hoặc cơ quan quyền lực địa phương cho cá nhân đối với các dịch vụ được làm cho nước hoặc phân khu, cơ quan có thẩm quyền đó sẽ chỉ bị đánh thuế ở nước đó.

b. Tuy nhiên, tiền công như vậy sẽ chỉ bị đánh thuế ở nước ký kết khác nếu dịch vụ được làm ở nước đó và cá nhân là cư dân của nước đó người mà:

(i) là công dân quốc gia của nước đó; hoặc

(ii) đã không trở thành công dân của nước đó duy nhất cho mục đích của việc làm các dịch vụ

2. Bất kỳ lương hưu nào được trả, hoặc nằm ngoài các quỹ tạo bởi nước ký kết hoặc phân khu chính trị hoặc cơ quan quyền lực địa phương cho cá nhân đối với các dịch vụ đã làm cho nhà nước, phân khu chính trị hoặc cơ quan quyền lực địa phương sẽ chỉ bị đánh thuế ở nước đó.

3. Các quy định của điều 16, 17 và 19 sẽ áp dụng đối với tiền công hoặc lương hưu liên quan các dịch vụ được làm kết nối với việc kinh doanh được tiến hành bởi nước ký kết hoặc phân khu chính trị hoặc cơ quan quyền lực địa phương.

4. Các cá nhân thực hiện dịch vụ chính phủ trong điều này sẽ bao gồm cá nhân thực hiện chức năng của chính phủ, và cũng bao gồm cá nhân làm việc trong cơ quan nhà nước đã được thỏa thuận theo thời gian giữa các cơ quan có thẩm quyền của nước ký kết.

Điều 21. Sinh viên và thực tập sinh

Cá nhân là cư dân của nước ký kết ngay trước khi đến thăm nước ký kết khác và chỉ hiện diện tạm thời ở nước khác:

a. như là sinh viên tại trường đại học, cao đẳng, trung học được công nhận hoặc các tổ chức giáo dục tương tự khác đã được công nhận ở nước khác;

b. như là doanh nhân hoặc tập sự kỹ thuật;

c. như là người nhận trợ cấp, phụ cấp hoặc giải thưởng cho mục đích chính là học tập, nghiên cứu hoặc đào tạo từ Chính phủ của nhà nước hoặc từ tổ chức khoa học, giáo dục, tôn giáo hay từ thiện hoặc theo chương trình hỗ trợ công nghệ đưa vào bởi Chính phủ của cả hai nước,

sẽ được miễn thuế ở nước khác đó đối với:

(i) tất cả kiều hối từ nước ngoài cho mục đích cấp dưỡng, giáo dục, học tập, nghiên cứu hoặc đào tạo của người nhận;

(ii) số tiền từ trợ cấp, phụ cấp hoặc giải thưởng; và

(iii) thù lao bất kỳ không vượt quá 2.500 USD mỗi năm liên quan đến dịch vụ mà nước khác quy định được thực hiện trong việc kết nối với việc học tập, nghiên cứu hay đào tạo của người này hoặc là cần thiết cho mục đích cấp dưỡng người này

Điều 22. Giáo sư, giáo viên và nhà nghiên cứu

1. Cá nhân là cư dân của nước ký kết ngay trước khi đến thăm nước ký kết khác, và người mà theo lời mời của trường đại học, cao đẳng hay tổ chức giáo dục tương tự khác bất kỳ đã được cơ quan có thẩm quyền của nước ký kết công nhận, đi thăm nước khác cho khoảng thời gian không vượt quá 2 năm chỉ cho mục đích dạy học hay nghiên cứu hay cả hai tại cơ sở giáo dục sẽ được miễn thuế ở nước khác đối với mọi khoản thù lao cho việc dạy học hay nghiên cứu như vậy, cái mà là đối tượng chịu thuế tại nước ký kết được nêu đầu tiên

2. Điều này sẽ chỉ áp dụng cho thu nhập từ nghiên cứu nếu việc nghiên cứu này được thực hiện chủ yếu cho lợi ích riêng của một người cụ thể hoặc nhiều người.

Điều 23. Thu nhập khác

Các khoản thu nhập của cư dân nước ký kết mà không được nêu rõ ở các điều luật đã nói ở trên của Hiệp định này sẽ chỉ bị đánh thuế ở nhà nước đó trừ khi những thu nhập như vậy phát sinh từ các nguồn tại nước ký kết khác thì có thể cũng bị đánh thuế ở nước khác.

Điều 24. Loại bỏ việc đánh thuế hai lần

1. Pháp luật có hiệu lực ở cả hai nước ký kết sẽ tiếp tục điều chỉnh hệ thống thuế thu nhập liên quan các nước ký kết trừ khi có một quy định rõ ràng ngược lại được làm trong Hiệp định này. Nếu thu nhập là đối tượng chịu thuế ở cả hai nước ký kết, việc giảm đánh thuế hai lần sẽ được nêu phù hợp với các đoạn sau đây của điều này

2. Khi cư dân của Việt Nam phát sinh thu nhập theo luật của Malaysia và các quy định của Hiệp định này có thể bị đánh thuế ở Malaysia, Việt Nam sẽ cho phép khấu trừ thuế đối với thu nhập của cư dân đó một khoản bằng với số thuế đã nộp ở Malaysia. Tuy nhiên việc khấu trừ này sẽ không vượt quá phần thuế của Việt Nam được quy vào thu nhập như đã tính toán trước khi cho khấu trừ.

3. Với mục đích của đoạn 2, thuật ngữ “thuế đã nộp ở Malaysia” sẽ được coi là bao gồm thuế của Malaysia theo pháp luật của Malaysia và Hiệp định này được nộp đối với mọi thu nhập phát sinh từ các nguồn ở Malaysia đã có thu nhập không chịu thuế ở mức được giảm hoặc được miễn thuế của Malaysia phù hợp với:

a. Phân hạng 7A của đạo luật về thuế thu nhập năm 1967 của Malaysia; hoặc

b. Mục 22, 23, 29, 35 và 37 của đạo luật khuyến khích đầu tư năm 1986 của Malaysia, có hiệu lực cho đến ngày ký Hiệp định này; hoặc

c. Mọi quy định khác có thể sau đó được hướng dẫn ở Malaysia trong việc thay đổi, hay bổ sung pháp luật ưu đãi đầu tư cho đến khi được cơ quan có thẩm quyền của các nước ký kết đồng ý là một đặc tính đáng kể tương tự.

4. Nếu cư dân của Malaysia phát sinh thu nhập theo pháp luật Việt Nam và các quy định của Hiệp định này bị đánh thuế ở Việt Nam, Malaysia sẽ cho phép khấu trừ thuế đối với thu nhập của cư dân đó một khoản bằng với số thuế đã nộp ở Việt Nam. Tuy nhiên việc khấu trừ này sẽ không vượt quá phần thuế của Malaysia được quy vào thu nhập như đã tính toán trước khi cho khấu trừ.

5. Với mục đích của đoạn 4, thuật ngữ “thuế đã nộp ở Việt Nam” sẽ được coi là bao gồm thuế của Việt Nam theo pháp luật của Việt Nam và Hiệp định này được nộp đối với mọi thu nhập phát sinh từ các nguồn ở Việt Nam đã có thu nhập không chịu thuế ở mức được giảm hoặc được miễn thuế của Việt Nam phù hợp với:

a. Các quy định của mục 26, 27, 28, 32 hoặc 33 của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (1987) và các quy định được kết nối, có hiệu lực vào ngày ký Hiệp định này hoặc được sửa đổi chỉ trong khía cạnh hẹp sau ngày ký Hiệp định này; hoặc

b. Mọi quy định khác có thể sau đó được hướng dẫn ở Việt Nam trong việc thay đổi, hay bổ sung pháp luật hiện hành liên quan các biện pháp ưu đãi đặc biệt được thiết kế để khuyến khích phát triển kinh tế Việt Nam trong chừng mực được cơ quan có thẩm quyền của các nước ký kết đồng ý là một đặc tính đáng kể tương tự

6. Với mục đích của tín dụng được đề cập ở đoạn 2 và 4 của điều này, thuế bị đánh đối với các khoản thu nhập sau đây sẽ được coi là 10 % của toàn bộ số thu nhập theo các biện pháp ưu đãi đặc biệt được thiết kế để khuyến khích phát triển kinh tế:

a. trong trường hợp thu nhập từ Malaysia, thu nhập theo điều 11, 12, và 13

b. trong trường hợp thu nhập từ Việt Nam, thu nhập theo điều 10, 11, 12, 13 và lợi nhuận đối với thuế doanh thu;

Điều 25. Không phân biệt đối xử

1. Các công dân quốc gia của nước ký kết sẽ không là đối tượng bị đánh thuế ở nước ký kết khác hoặc bất cứ yêu cầu nào được kết nối mà khác hoặc phiền toái hơn hệ thống thuế và các yêu cầu đã được kết nối đối với công dân quốc gia của nước khác phải chịu hoặc có thể phải chịu trong trường hợp tương tự.

2. Hệ thống thuế về cơ sở thường trú mà doanh nghiệp của nước ký kết có ở nước ký kết khác sẽ không ít thuận lợi hơn khi được áp dụng ở nước khác so với hệ thống thuế khi được áp dụng với doanh nghiệp của nước đó khi tiến hành các hoạt động giống như nhau. Quy định này sẽ không được hiểu như là sự sẵn sàng giúp đỡ nước ký kết để cấp cho cư dân của nước ký kết khác khoản chiết khấu, trợ cấp và giảm trừ bất kỳ cho mục đích thuế trên tài khoản hộ tịch hoặc các trách nhiệm gia đình mà cư dân của nó được cấp.

3. Các doanh nghiệp của nước ký kết mà vốn là do một hay nhiều cư dân của nước ký kết sở hữu hay kiểm soát toàn bộ hay một phần một cách trực tiếp hay gián tiếp sẽ không là đối tượng với bất kỳ loại thuế hay bất kỳ yêu cầu nào được kết nối ở nước ký kết được nêu đầu tiên mà khác hay phiền toái hơn hệ thống thuế và các yêu cầu được kết nối dành cho các doanh nghiệp tương tự khác là hoặc có thể là đối tượng của nước được nêu đầu tiên

4. Các quy định của đoạn 2 và 3 của điều này sẽ không áp dụng với thuế doanh thu của Việt Nam trong bất kỳ trường hợp nào vượt quá 10% tổng lợi nhuận đã nộp, và hệ thống thuế của Việt Nam liên quan đến các hoạt động sản xuất nông nghiệp.

5. Điều này sẽ không được hiểu như là việc sẵn sàng giúp đỡ của cả hai nước ký kết để cấp cho cá nhân không phải cư dân của nước đó khoản chiết khấu, trợ cấp và giảm trừ bất kỳ cho mục đích thuế như đã được cấp cho các cá nhân là cư dân

6. Điều này sẽ không được hiểu như là để ngăn cản cả hai nước ký kết giới hạn công dân quốc gia của nước mình việc hưởng các ưu đãi thuế được thiết lập để khuyến khích phát triển kinh tế ở nước đó.

7. Các quy định của điều này sẽ chỉ áp dụng với các loại thuế là đối tượng của Hiệp định này.

Điều 26. Thủ tục thỏa thuận lẫn nhau

1. Nếu cư dân của nước ký kết nhận thấy rằng các hành động của cơ quan có thẩm quyền của một hoặc cả hai nước ký kết dẫn đến kết quả hoặc sẽ dẫn đến kết quả việc đánh thuế lên người này không phù hợp với các quy định của Hiệp định, người này có thể kiến nghị vụ việc của mình đến của quan có thẩm quyền của nước ký kết mà người này là cư dân, không phân biệt về các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định theo luật trong nước của các quốc gia đó. Vụ việc phải được kiến nghị trong vòng ba năm từ thông báo đầu tiên về kết quả hành vi trong lĩnh vực thuế mà không phù hợp với các quy định của Hiệp định này

2. Cơ quan có thẩm quyền sẽ cố gắng giải quyết vụ việc bằng việc thỏa thuận lẫn nhau với cơ quan có thẩm quyền của nước ký kết khác, với một cách nhìn để tránh việc đánh thuế không phù hợp với Hiệp định, nếu như việc đó xảy ra là có lý do chính đáng và bản thân nó có thể có giải pháp thích hợp.

3. Các cơ quan có thẩm quyền của nước ký kết sẽ cố gắng giải quyết bằng cách thỏa thuận đối với bất cứ vướng mắc hay nghi ngờ nào phát sinh trong việc giải thích hoặc áp dụng Hiệp định. Các cơ quan cũng tư vấn cho nhau để loại bỏ việc đánh thuế hai lần trong những trường hợp không được quy định tại Hiệp định.

4. Các cơ quan có thẩm quyền của nước ký kết có thể trực tiếp truyền thông với nhau cho mục đích đạt được thỏa thuận về khía cạnh của các đoạn trước.

Điều 27. Trao đổi thông tin

1. Cơ quan có thẩm quyền của nước ký kết sẽ trao đổi các thông tin khi cần thiết để tiến hành các quy định của Hiệp định này hoặc của pháp luật trong nước của nước ký kết liên quan các loại thuế được bao quát bởi Hiệp định trong chừng mực mà hệ thống thuế theo đó không trái với Hiệp định. Mọi thông tin nước ký kết nhận được sẽ được xử lý như bí mật theo cách thức giống nhau như thông tin thu được theo pháp luật trong nước của nước đó và sẽ chỉ được tiết lộ cho các cá nhân hoặc cơ quan có thẩm quyền (bao gồm tòa án hay cơ quan xem xét có thẩm quyền) liên quan đến việc đánh giá hay thu thập, cưỡng chế hay truy tố, hoặc xác định các khiếu nại liên quan các loại thuế được Hiệp định này bao quát.

2. Không có vụ việc nào mà các quy định ở đoạn 1 sẽ bị hiểu là áp đặt lên nước ký kết nghĩa vụ:

a. tiến hành các biện pháp hành chính không đúng pháp luật hoặc thực tế hành chính của nước ký kết đó hoặc nước ký kết khác;

b. cung cấp thông tin không thể có được theo luật hoặc trong quá trình thông thường của cơ quan hành chính của nước ký kết đó hoặc nước ký kết khác;

c. cung cấp thông tin sẽ làm tiết lộ bí mật thương mại, kinh doanh, công nghiệp, thương nghiệp hay nghề nghiệp hoặc quy trình thương mại hoặc thông tin mà việc tiết lộ ra là trái với chính sách công.

Điều 28. Viên chức ngoại giao và lãnh sự

Hiệp định này sẽ không ảnh hưởng cho các đặc quyền tài chính của các viên chức ngoại giao và lãnh sự theo các quy định chung của pháp luật quốc tế hoặc theo quy định của các thỏa thuận đặc biệt.

Điều 29. Hiệu lực

Mỗi một nước ký kết sẽ thông báo cho nước ký kết khác việc hoàn thành các thủ tục được yêu cầu theo pháp luật nước mình để Hiệp định này có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực sau ngày các thông báo và sẽ có hiệu lực:

a. Ở Việt Nam:

(i) đối với các loại thuế khấu trừ tại nguồn, liên quan đến số thuế phải chịu đã trả vào hoặc sau ngày 01 tháng giêng của năm dương lịch tiếp theo năm Hiệp định này có hiệu lực;

(ii) đối với các loại thuế khác của Việt Nam có liên quan đến thu nhập, lợi tức hoặc các khoản thu được phát sinh trong năm dương lịch tiếp theo năm Hiệp định này có hiệu lực;

b. Ở Malaysia:

(i) đối với các loại thuế thu nhập khấu trừ có nguồn gốc từ người không cư trú, liên quan đến thu nhập phát sinh vào hoặc sau ngày 01 tháng giêng của năm dương lịch kế tiếp năm mà những thông báo mới hơn được đưa ra;

(ii) đối với các loại thuế khác của Malaysia thì năm bắt đầu là vào hoặc sau ngày 01 tháng giêng của năm dương lịch thứ hai theo sau năm mà những thông báo mới hơn được đưa ra;

Điều 30. Chấm dứt

Hiệp định sẽ vẫn có hiệu lực vô thời hạn, nhưng vào hoặc trước ngày 30 tháng sáu của năm dương lịch bắt đầu sau khi hết thời hạn năm năm từ ngày có hiệu lực, cả hai nước ký kết có thể cho nước ký kết khác thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt, thông qua các kênh ngoại giao. Trong tình huống này, Hiệp định sẽ chấm dứt hiệu lực:

a. ở Việt Nam:

(i) đối với các loại thuế khấu trừ tại nguồn, liên quan đến số thuế phải chịu đã trả vào hoặc sau ngày 01 tháng giêng của năm dương lịch tiếp theo năm mà thông báo chấm dứt được đưa ra;

(ii) đối với các loại thuế khác của Việt Nam có liên quan đến thu nhập, lợi tức hoặc các khoản thu được phát sinh trong năm dương lịch tiếp theo năm mà thông báo chấm dứt được đưa ra và trong các năm tiếp theo sau;

b. Ở Malaysia:

(i) đối với các loại thuế thu nhập khấu trừ có nguồn gốc từ người không cư trú, liên quan đến thu nhập phát sinh vào hoặc sau ngày 01 tháng giêng của năm dương lịch kế tiếp năm mà thông báo được đưa ra;

(ii) đối với các loại thuế khác của Malaysia thì năm bắt đầu là vào hoặc sau ngày 01 tháng giêng của năm dương lịch thứ hai theo sau năm mà thông báo được đưa ra;

Trước sự chứng kiến đã được ký bên dưới, theo đúng ủy quyền bởi Chính phủ của cả hai, đã đồng ký vào Hiệp định này.

Được lập thành hai bản tại Kuala Lumpur ngày 7 tháng 9 năm 1995, mỗi thứ bằng tiếng Việt, tiếng Mã Lai và tiếng Anh, ba bản có giá trị như nhau. Trường hợp có tranh cãi trong giải thích và áp dụng Hiệp định này, sẽ ưu tiên bản tiếng anh.

**ĐẠI DIỆN CHÍNH PHỦ
NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM**

**ĐẠI DIỆN CHÍNH PHỦ
CỦA NƯỚC MALAYSIA**

Hiệp định này có hiệu lực vào ngày 13 tháng 8 năm 1996.